

**QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM SỐ 36/2006/DS-GĐT**  
**NGÀY 06-11-2006 VỀ VỤ ÁN “TRANH CHẤP VỀ THỪA KẾ”**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

...

Ngày 06 tháng 11 năm 2006, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao, đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

Ông Nguyễn Văn Giàu, sinh năm 1924; trú tại: 14/17, ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình Đôn, sinh năm 1960; trú tại: 15/17, ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1944 (chết có khai tử ngày 08-6-2005); khi còn sống trú tại: ấp Tân Nhơn, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;

+ Bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1945; trú tại: 9/28, ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Nguyễn Minh Sáu, sinh năm 1943; trú tại: 13/17 ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

+ Bà Nguyễn Thị Thâu, sinh năm 1925 (chết có khai tử ngày 10-9-2001); khi còn sống trú tại: ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NHẬN THẤY:**

Ngày 27-8-1994 ông Nguyễn Văn Giàu khởi kiện “yêu cầu được hưởng di sản thừa kế” của bố mẹ là cụ Nguyễn Văn Tiên và cụ Phạm Thị Trâm.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Cố Nguyễn Văn Phòng và cố Hồ Thị Sáng là vợ chồng, cố Phòng và cố Sáng sinh được 3 người con gồm: cụ Nguyễn Văn Tiên; cụ Nguyễn Văn Thiệu và cụ Nguyễn Văn Lực. Cố Phòng chết (đã lâu) không để lại di chúc. Năm 1954 số Sáng đã phân chia ruộng đất quanh nhà cho các con; riêng căn nhà trên diện tích khuôn viên 263m<sup>2</sup> đất (nay là nhà thờ đang tranh chấp) cố Sáng để ở cùng con trai là cụ Nguyễn Văn Tiên.

Cụ Nguyễn Văn Tiên và vợ là cụ Phạm Thị Trâm, có 8 người con gồm: bà Nguyễn Thị Xuyên (chết năm 1953), bà Nguyễn Thị Hai (chết năm 1990), bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Hạnh; bà Nguyễn Thị Huỳnh, ông Nguyễn Văn Luận (ông Luận cùng vợ con sống tại Mỹ, ông Luận đã chết), ông Nguyễn Văn Lộc (ông Lộc chết năm 1968 có con là anh Nguyễn Đình Đôn) và ông Nguyễn Văn Giàu.

Cụ Tiên được mẹ là cố Sáng chia cho các tài sản gồm: 20,3 công đất ruộng; 302m<sup>2</sup> đất mộ; 4.641m<sup>2</sup> đất vườn. Năm 1956 cố Sáng chết không để lại di chúc, nên ngoài số tài sản được chia, cụ Tiên và cụ Phạm Thị Trâm còn quản lý nhà thờ trên khuôn viên 263m<sup>2</sup> đất.

Năm 1972, cụ Tiên chết, không để lại di chúc. Năm 1978, cụ Trâm đã chia đều phần đất ruộng (20,3 công) cho 8 người con và phân chia cho 3 con trai là ông Luận, ông Lộc và ông Giàu mỗi người 916m<sup>2</sup> đất vườn. Còn nhà thờ trên 263m<sup>2</sup> đất cụ Trâm quản lý sử dụng (khi đó anh Đôn ở cùng cụ Trâm).

Năm 1982, cụ Trâm chết, không để lại di chúc, nhà đất anh Nguyễn Đình Đôn tiếp tục quản lý, sử dụng.

Sau khi cụ Trâm chết, ngày 27-9-1988 cụ Nguyễn Văn Lực là trưởng tộc tổ chức họp họ tộc và quyết định giao nhà thờ cho ông Giàu quản lý, lo việc thờ cúng; ngoài ra, họ tộc còn buộc các bên phải ký biên bản để thực hiện theo sự phân chia đất của cụ Phạm Thị Trâm.

Năm 1992, ông Giàu đi chữa bệnh gửi nhà từ đường và tài sản cho người cháu trông coi giúp, thì anh Đôn chiếm giữ nhà từ đường và các tài sản trong nhà từ đường.

Ngày 29-3-1993, ông Giàu có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp thừa kế. Sau đó trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết thì ông Giàu thay đổi yêu cầu đề nghị xem xét hành vi chiếm giữ trái phép nhà và tài sản của anh Đôn, nên tại quyết định số 11/QĐ-TA ngày 30-11-1993 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự về: “tranh chấp di sản thừa kế giữa ông *Giàu* và anh Đôn, chuyển đơn của ông Giàu yêu cầu xử lý hình sự đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long để giải quyết theo thẩm quyền”.

Tại Quyết định số 01 ngày 26-4-1994, đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Đình Đôn về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân.

Ngày 27-8-1994 ông Giàu có đơn: “Yêu cầu hưởng di sản thừa kế” của bố mẹ và xin nhận quản lý nhà từ đường theo sự phân công của họ tộc. Ngày 23-11-1994 ông Giàu nộp tạm ứng án phí.

Ngày 24-11-1994 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý lại vụ án.

Bị đơn (anh Nguyễn Đình Đôn) trình bày: anh sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà từ đường của ông bà nội, nên anh phải được thừa hưởng căn nhà từ đường để thờ cúng ông, bà; việc gia tộc họ Nguyễn họp, buộc anh phải giao lại nhà từ đường cho ông Giàu anh không nhất trí; về đất ruộng và đất vườn, anh Đôn không chấp nhận cách chia của họ tộc, đề nghị xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí giao nhà từ đường cho ông Giàu để ông Giàu lo việc thờ cúng; riêng bà Nguyễn Thị Thâu là một trong 5 con của chi cụ Nguyễn

Văn Thiệu xin được chia thừa kế di sản của cố Nguyễn Văn Phòng và cố Hồ Thị Sáng là nhà từ đường.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/DSST ngày 8-2-1996, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Giàu đòi căn nhà tọa lạc tại tổ 14, ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; giao căn nhà này cho ông Giàu quản lý và sử dụng, ông Giàu không được sang bán, chuyển nhượng bằng mọi hình thức.

Buộc ông Giàu phải giao trả phần di sản mà anh Đôn được hưởng từ giá trị căn nhà và các đồ vật trong căn nhà, sau khi khấu trừ các khoản chi phí anh Đôn đã bỏ ra sửa chữa nhà và phần tài sản anh Đôn đã bán, ông Giàu còn phải giao trả lại cho anh Đôn số tiền là 6.227.904đ. Ông Giàu tiếp tục sử dụng 3.804m<sup>2</sup> đất tại các thửa số 1469, 1470, 1471, 1472, 1467, 1474.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Giàu và các dự sự giao cho anh Đôn tiếp tục sử dụng phần đất của ông Lộc hiện tại anh đang canh tác là 1.100m<sup>2</sup> số thửa 1468 (trích lục địa bộ ngày 25-01-1996 của Sở Địa chính).

- Bác yêu cầu của anh Nguyễn Đình Đôn đòi thừa hưởng toàn bộ căn nhà cùng tài sản và phân nửa diện tích đất đang tranh chấp.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đôn về xin hưởng thừa kế. Giao cho anh Nguyễn Đình Đôn 1.100m<sup>2</sup> theo thửa số 1468 (phần hưởng thừa kế của ông Lộc) để anh Đôn tiếp tục quản lý, cùng giá trị tài sản và căn nhà là 4.537.904 đồng (trong phần ông Giàu hoàn trả 6.227.904 đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thâu xin hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn Thiệu là 6.353.065 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí giám định và tuyền quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 9-2-1996 anh Nguyễn Đình Đôn kháng cáo.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 229/DSPT ngày 6-11-1996, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Hủy bản án sơ thẩm số 3 ngày 8-2-1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc kiện tranh chấp di sản thừa kế giữa ông Nguyễn Văn Giàu và anh Nguyễn Đình Đôn để tiến hành tố tụng lại từ giai đoạn điều tra.

Ngày 11-11-1996 ông Giàu có đơn khiếu nại cho rằng Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử ông để kéo dài thời gian buộc anh Đôn trả lại nhà cho ông.

Ngày 25-2-1997, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 03/CV đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại vụ án theo trình tự giám đốc thẩm, vì bản án phúc thẩm trên hủy bản án sơ thẩm là không đúng khoản 2 Điều 46 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án

dân sự và Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 21-11-1997, Chánh tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 265 đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị bản án phúc thẩm trên.

Tại Quyết định số 01/DS-TK ngày 7-3-1998, Chánh tòa Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên với nhận định:

*Căn cứ điểm 2 mục IX “Về đình chỉ việc giải quyết vụ án” của Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự” thì trong trường hợp Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án với lý do người khởi kiện rút đơn khởi kiện thì sau đó đương sự vẫn có quyền khởi kiện lại nhưng phải nộp tiền tạm ứng án phí như mới khởi kiện lần đầu. Đối với vụ án này, khi khởi kiện lại, ông Nguyễn Văn Giàu đã nộp tiền tạm ứng án phí và do đó, việc Tòa án nhân dân Vĩnh Long thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là hoàn toàn đúng pháp luật tố tụng. Việc Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long với những lập luận nêu ở phần trên là không có cơ sở, trái với các quy định của Nghị quyết số 03/HĐTP nêu trên. Vì vậy, bản án phúc thẩm về vụ án này phải được hủy bỏ để vụ án được xét xử lại theo thủ tục chung.*

*Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án dân sự phúc thẩm số 229/DSPT nói trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo thủ tục chung.*

Tại Kết luận số 162/KL-DS ngày 15-8-1998, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm số 229/DSPT ngày 06-11-1996 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo hướng tạm đình chỉ giải quyết vụ kiện, chờ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tại Quyết định số 38/UBTP-DS ngày 04-12-1998, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên cho đến khi có quy định mới về giao dịch dân sự về nhà ở phát sinh trước ngày 01-7-1991 mà có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án dân sự phúc thẩm số 229/DSPT ngày 06-11-1996 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và bản

án dân sự sơ thẩm số 03 ngày 08-02-1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **XÉT THẤY:**

Ngày 29-3-1993 ông Giàu có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản. Sau đó trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết thì ông Giàu thay đổi yêu cầu đề nghị xem xét hành vi chiếm giữ trái phép nhà và tài sản của anh Đôn, nên ngày 30-11-1993 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã ra Quyết định số 11/QĐ-TA đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự và chuyển đơn của ông Giàu yêu cầu xử lý hình sự đối với anh Đôn đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 26-4-1994, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định số 01 đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Đình Đôn về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân.

Ngày 27-8-1994 ông Giàu khởi kiện lại “Yêu cầu hưởng di sản thừa kế” của bố mẹ và xin nhận quản lý nhà từ đường theo sự phân công của họ tộc, ngày 23-11-1994 ông Giàu nộp tạm ứng án phí. Do vậy, việc ngày 24-11-1994 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có thẩm quyền thụ lý và xét xử lại vụ án, nên đã hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đồng thời lại giao hồ sơ vụ án để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại từ giai đoạn điều tra là không đúng với quy định tại điểm 2 mục IX “Về đình chỉ việc giải quyết vụ án” của Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự”.

Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xét xử vụ án thì ông Luận và gia đình ông đang sinh sống tại Mỹ, do đó, để có đủ cơ sở áp dụng Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27-7-2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01-7-1991 có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia” thì phải xác minh về Quốc tịch của các con ông Luận và yêu cầu của họ. Hơn nữa, vụ án đã bị tạm đình chỉ từ năm 1998, nên giá nhà đất có tranh chấp cũng đã có nhiều thay đổi, nên cũng cần phải định giá lại thì mới phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Mặt khác, cần xác minh làm rõ về việc thay đổi các đương sự và yêu cầu của họ thì mới đủ căn cứ giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào khoản 3 Điều 291; khoản 3 Điều 297, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27-7-2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 229/DSPT ngày 06-11-1996 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/DSST ngày 08-02-1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Giàu với bị đơn là anh Nguyễn Đình Đôn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thâu và ông Nguyễn Minh Sáu;

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để giải quyết xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

---

### ***- Lý do hủy các bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm:***

1. Quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại từ giai đoạn điều tra là không đúng pháp luật.
2. Cần tiến hành định giá lại tài sản và xác minh quốc tịch của một số đương sự trong vụ án.

### ***- Nguyên nhân dẫn đến việc hủy các bản án sơ thẩm và phúc thẩm:***

1. Thiếu sót trong việc vận dụng quy định tại điểm 2 mục IX “Về đình chỉ việc giải quyết vụ án” của Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự”;
2. Do thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài.